

Số: *114* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *18* tháng *01* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Sông Đà 2 để sử dụng vào mục đích xây dựng Khu đô thị hồ Xương Rồng tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên (đợt 13)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 4241/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 881/TTr-STNMT ngày 30 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao (đợt 13) cho Công ty Cổ phần Sông Đà 2 diện tích 8.540,0 m² đất (đã được UBND thành phố Thái Nguyên thu hồi và giải phóng mặt bằng) tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Diện tích 4.001,0 m² đất ở để xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 27/9/2063.

2. Diện tích 2.156,4 m² đất để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (Đất giao thông).

3. Diện tích 2.382,6 m² đất quy hoạch tái định cư.

4. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý), thuộc tờ bản đồ địa chính số 43, 44, 45, 48, 49, 51, 52, 70 và số 71, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỷ lệ 1:1000, do Văn phòng Đăng ký Đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên xác lập ngày 22/12/2020 (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đối với phần diện tích đất giao tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Thái Nguyên, UBND phường Phan Đình Phùng, Công ty Cổ phần Sông Đà 2 theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện:

- Xác định nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- Thông báo nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần Sông Đà 2 theo quy định.
- Xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Sông Đà 2 sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.
- Chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Đối với phần diện tích đất giao tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Công ty Cổ phần Sông Đà 2 bàn giao diện tích 2.382,6 m² đất quy hoạch tái định cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị cho địa phương quản lý theo quy định sau khi hoàn thiện đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, Chủ tịch UBND phường Phan Đình Phùng, Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2 và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Thông tin- VP UBND tỉnh;
- Lưu: HS, VT, CNN.

DAT. QD.31/12. 12b.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Tiến

Phụ lục

**DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO CHO CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2
ĐỂ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ HỒ XƯƠNG RỒNG TẠI PHƯỜNG
PHAN ĐÌNH PHÙNG, THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN (ĐỢT 13)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *114* /QĐ-UBND ngày *18* tháng *01* năm 202*1*
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Số tờ BĐDC	Tên ô quy hoạch	Diện tích (m ²)
I	Đất ở tại đô thị		4.001,0
1	45	CL-10	92,0
2	48	CT-02	80,0
3	49	SL-03	117,4
4	49	CL-20	216,3
5	49	CT-01	672,0
6	51	SL-11	58,3
7	51	CL-04	330,3
8	51	CL-07	41,8
9	52	CL-07	1.105,4
10	52	CL-08	4,6
11	52	SL-12	14,0
12	70	CL-06	663,0
13	70	CL-08	360,6
14	71	CL-08	245,3
II	Đất có mục đích công cộng		2.156,4
	Đất giao thông		2.156,4
III	Đất quy hoạch tái định cư		2.382,6
1	44	CL-11	174,3
2	43	TĐC - 02	1.416,0
3	43	TĐC - 03	792,3
Tổng cộng (I+II+III)			8.540,0